

Bản án số: 14/2024/LĐ-PT  
Ngày: 29-01-2024  
V/v Tranh chấp hợp đồng lao  
động.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Dũng

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thoa

Bà Phạm Thị Thanh Trúc

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trịnh Tiên Thịnh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Lê Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04/01/2024, 18/01/2024, 23/01/2024 và 29/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh số A N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2023/TLPT-LĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023, về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 2104/2023/LĐ-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5907/2023/TLPT-LĐ ngày 14/12/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 412/2024/QĐPT-LĐ ngày 04/01/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị S, sinh năm 1965.

Thường trú: Thôn B, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ liên lạc: Lâu A, Số H - H N, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Công ty L1 (Giấy ủy quyền lập ngày 25/3/2023 tại Phòng C1) và ông Nguyễn Thanh H. Địa chỉ liên lạc: 8 N, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền lại lập ngày 03/4/2023).

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Q1.

Trụ sở: Tầng 6 Nhà xưởng số 4, Lô I, Đường N, Khu công cao, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Võ Đình Bảo Q, chức vụ: Tổng giám đốc.  
Địa chỉ: Tầng F Nhà xưởng số D, Lô I, Đường N, Khu công cao, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh  
*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Hữu L và ông Nguyễn Bá P (Theo Giấy ủy quyền số 0205/2023/UQTT-OEIC ngày 17/5/2023).

*Người kháng cáo:* Công ty cổ phần Q1 là bị đơn

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo Đơn khởi kiện ngày 17/4/2023, nguyên đơn – bà Trần Thị S có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Bà Trần Thị S (gọi tắt bà S) và Công ty Cổ phần Q1 (gọi tắt Công ty Q1) ký kết Hợp đồng lao động số 12062022/HĐLĐ (lần 2) ngày 30/6/2022, xác định thời hạn lao động từ ngày 30/6/2022 đến ngày 29/6/2023. Vị trí công việc: Tạp vụ; Mức lương 6.000.000đ/tháng, phụ cấp 500.000đ/tháng. Thu nhập hàng tháng là 6.500.000 đồng.

Từ tháng 10/2022, Công ty Q1 không thanh toán đầy đủ tiền lương, không đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động trong đó có bà S.

Ngày 03 và ngày 07/4/2023, bà S và Công ty Q1 thực hiện 2 lần hòa giải tranh chấp lao động tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố T nhưng Công ty Q1 đều vắng mặt nên lập biên bản ghi kết quả hòa giải không thành.

Theo đơn khởi kiện, bà Trần Thị S yêu cầu:

1/ Buộc Công ty Q1 thanh toán cho bà Trần Thị S đầy đủ tiền lương và phụ cấp còn nợ (của các tháng 10, 11, 12/2022, và tháng 01, 02/2023), với tổng số tiền yêu cầu là 17.819.234 đồng.

2/ Buộc Công ty Q1 nộp đầy đủ tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động là bà Trần Thị S.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn xác định yêu cầu theo đơn khởi kiện và thay đổi, bổ sung thêm yêu cầu:

1/ Buộc Công ty Q1 thanh toán cho bà Trần Thị S đầy đủ tiền lương và phụ cấp còn nợ (của các tháng 10, 11, 12/2022 và tháng 01, 02/2023), với tổng số tiền yêu cầu là 18.819.231 đồng.

Từ tháng 03/2023 đến tháng 6/2023, bà S được Công ty Q1 cho nghỉ để chờ việc, căn cứ theo quy định tại điều 6 Thỏa ước lao động tập thể ký ngày 15/02/2022 thì trong thời gian nghỉ chờ việc người lao động được trả 70% tiền lương hàng tháng theo hợp đồng. Hiện nay để hỗ trợ một phần khó khăn cho Công ty Q1, bà S tự nguyện giảm tỷ lệ tính tiền lương trong thời gian chờ việc là 50% tiền lương hàng tháng theo hợp đồng lao động, số tiền cụ thể là  $(6.500.000đ \times 50\% \times 04 \text{ tháng}) = 13.000.000$  đồng.

2/ Buộc Công ty Q1 nộp đầy đủ tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 6/2022 đến nay; tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 3/2023 đến nay cho người lao động là bà Trần Thị S.

Công bố ý kiến bị đơn – Công ty cổ phần Q1:

Tại Bản tự khai ngày 17/5/2023, người đại diện hợp pháp cho Công ty Q1 trình bày: Công ty Q1 thừa nhận có ký kết và thực hiện với bà Trần Thị S Hợp đồng lao động số 12062022/HĐLĐ ngày 30/6/2022 (lần 2), xác định thời hạn lao động từ ngày 30/6/2022 đến ngày 29/6/2023. Vị trí công việc: Tạp vụ; Mức lương căn bản 6.000.000đ/tháng và phụ cấp trách nhiệm là 500.000đ/tháng. Thu nhập của người lao động là 6.500.000đ/tháng.

Công ty Q1 thừa nhận chưa thanh toán một phần tiền lương của bà Trần Thị S thuộc các tháng 10, 11, 12/2022 và tháng 01/2023 là số tiền 14.267.897 đồng. Tiền bảo hiểm xã hội chậm nộp từ tháng 8/2022 đến tháng 01/2023 là 27.625.000 đồng; tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp chậm nộp từ tháng 8/2021 đến tháng 01/2023 là không đồng.

Người lao động đã thôi việc nhưng chưa bàn giao công cụ lao động cho công ty. Công ty Q1 yêu cầu người lao động bà Trần Thị S cung cấp tài liệu, chứng cứ để công ty có ý kiến, yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Công bố chứng cứ của vụ án:

Chủ tọa phiên tòa rút gọn công bố toàn bộ chứng cứ vụ án theo Đơn khởi kiện, gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Q1 (đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/10/2021), căn cước công dân Trần Thị S; Hợp đồng lao động số 12062022/HĐLĐ ngày 30/6/2022 (lần 2); Thỏa ước lao động tập thể ký ngày 15/02/2022; Phiếu lương của bà Trần Thị S của tháng 10, 11, 12/2022 và tháng 01, 02/2023; Bảng sao kê tài khoản tiền gửi của khách hàng Trần Thị S tại Ngân hàng TMCP Đ; Bảng ghi quá trình đóng BHXH, BHYT của mã số BHXH: 0205082414 của bà Trần Thị S; Văn bản số 1299/BHXH-THU ngày 13/6/2023 của Bảo hiểm xã hội thành phố T; Biên bản hòa giải tranh chấp lao động cá nhân (lần 1) ngày 03/4/2023, (lần 2) ngày 07/4/2023; Giấy ủy quyền của bà Trần Thị S cho pháp nhân, cá nhân đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng vụ án; Giấy ủy quyền số 0205/2023/UQTT-OEIC ngày 17/5/2023 của Công ty Cổ phần Q1 cho cá nhân đại diện bị đơn tham gia tố tụng vụ án; các Bản tự khai của đương sự.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 2104/2023/LĐ-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 95; Điều 96; Điều 99; Điều 101; Điều 316; Điều 317; Điều 318; Điều 320; Điều 321 và Điều 322 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều khoản tại Hợp đồng lao động số 12062022/HĐLĐ ngày 30/6/2022 và Điều 1; Điều 20; khoản 4, 6 Điều 188 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21 và khoản 2 Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; khoản 1 Điều 44 Luật Việc làm năm 2013; khoản 1 Điều 15 Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty Cổ phần Q1 có trách nhiệm thanh toán tiền lương, phụ cấp lương cho bà Trần Thị S là 31.819.231 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc Công ty Cổ phần Q1 có trách nhiệm tiếp tục đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho bà Trần Thị S với mức lương là 6.500.000 đồng, theo tỷ lệ pháp luật về bảo hiểm quy định, cụ thể:

Công ty Cổ phần Q1 có trách nhiệm đóng số nợ bảo hiểm xã hội từ tháng 6/2022 đến hết tháng 6/2023;

Công ty Cổ phần Q1 có trách nhiệm đóng số nợ bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế từ tháng 3/2023 đến hết tháng 6/2023 và Bảo hiểm xã hội thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm chốt sổ BHXH cho bà Trần Thị S theo luật định;

Các bên thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị S không phải chịu tiền án phí lao động sơ thẩm.

- Công ty Cổ phần Q1 phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 534.577 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt tại phiên tòa đối với bản án này là 07 ngày, kể từ ngày tuyên án;

- Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 07 ngày được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Trường hợp đơn kháng cáo của đương sự được gửi qua dịch vụ bưu chính thì ngày kháng cáo được xác định căn cứ vào ngày tổ chức dịch vụ bưu chính nơi gửi đóng dấu ở phong bì.

- Thời hạn kháng nghị đối với bản án này của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là 07 ngày, của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là 15 ngày, kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức nhận được bản án.

Ngày 17/7/2023, bị đơn là Công ty Cổ phần Q1 do ông Nguyễn Bá P là người đại diện theo ủy quyền nộp đơn kháng cáo (đơn ghi ngày 13/7/2023 được gửi qua đường bưu điện ghi ngày gửi 13/7/2023), kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm để xem xét lại vụ án. Lý do yêu cầu hủy án :

- Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử nhưng không thông báo và triệu tập bị đơn;

- Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

- Nguyên đơn và bị đơn đã chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 21/4/2023 và bị đơn đã chốt BHXH, BHYT, BHTN cho nguyên đơn đến ngày 20/4/2023 nhưng án sơ thẩm vẫn tuyên buộc bị đơn phải đóng BHXH, BHYT, BHTN cho nguyên đơn đến hết tháng 6/2023.

Ngày 06/7/2023, Viện trưởng Viện kiểm Sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 411/QĐKNPT-VKS-LĐ kháng nghị bản án sơ thẩm số 2104/2023/LĐ-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là bà Trần Thị S có người đại diện theo ủy quyền hợp pháp là ông Nguyễn Thanh H xác nhận nguyên đơn không kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng tại cấp phúc thẩm nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và xác định chỉ còn yêu cầu Công ty Cổ phần Q1 trả cho bà S tiền lương còn nợ từ tháng 10/2022 đến tháng 02/2023 đúng như đơn khởi kiện đầu tiên gửi Tòa án với số tiền là 17.817.234 đồng; Xác định hợp đồng lao động giữa bà S với Công ty C2 từ ngày 21/4/2023 theo thông báo chấm dứt hợp đồng lao động số 5503/2023/TB-OEIC ngày 21/3/2023 của Công ty Cổ phần Q1; Công ty phải đóng đầy đủ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà S đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động là ngày 21/4/2023 và chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội cùng tờ rời xác nhận đóng bảo hiểm xã hội cho bà S. Thi hành việc trả tiền và trả sổ bảo hiểm xã hội một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là Công ty Cổ phần Q1 do ông Nguyễn Hữu L là người đại diện theo ủy quyền đề nghị Hội đồng xét xử cho thời gian hai bên hòa giải, thương lượng và đồng thời bổ sung tường trình xác nhận của Công ty về việc kháng cáo. Tòa án đã hòa giải, ban đầu hai bên thống nhất số tiền nợ lương công ty phải trả cho bà S là 17.817.234 đồng nhưng hai bên không thống nhất được phương thức và thời gian trả tiền. Sau đó phía Công ty thay đổi ý kiến không đồng ý thỏa thuận, xác định công ty không làm được xác nhận việc kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đơn kháng cáo theo quy định pháp luật, không đồng ý việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm Sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các bên đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung:

+ Xét đơn kháng cáo của bị đơn là trong hạn luật quy định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tuy nhiên, sau khi xem xét thủ tục tố tụng đối với đơn kháng cáo của bị đơn do người đại diện theo ủy quyền làm, ký tên nhận thấy kháng cáo là không đúng quy định tại Điều 271, 272 và Điều 274 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ giấy ủy quyền số 0205/2023/UQTT-OEIC ngày 17/5/2023 của Công ty Cổ phần Q1 nhận thấy, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Bá P không được ủy quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Bá P.

+ Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, tuy nhiên nhận thấy vi phạm thủ tục tố tụng của án sơ thẩm theo kháng nghị không ảnh hưởng đế nội dung vụ án, đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện mặc dù đại diện bị đơn không đồng ý nhưng qua diễn biến phiên tòa, phía bị đơn và nguyên đơn đã từng xác nhận có nghĩa vụ trả tiền lương còn nợ cho nguyên đơn nhưng hai bên không thống nhất được thời gian trả tiền số tiền theo đơn khởi kiện đòi tiền lương ban đầu là 17.817.234 đồng; hai bên cũng xác định hợp đồng lao động giữa nguyên đơn với bị đơn đã chấm dứt từ ngày 21/4/2023 theo Thông báo số 5503/2023/TB-OEIC ngày 21/3/2023. Phía nguyên đơn cũng xác định yêu cầu Công ty phải đóng Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp và chốt sổ, trả sổ Bảo hiểm xã hội cùng tờ rời xác nhận đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn hết ngày 21/4/2024. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo những nội dung phân tích nêu trên.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích pháp luật và động viên các bên hòa giải nhưng không thành.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 27/6/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành xét xử sơ thẩm và tuyên án vụ án. Ngày 13/7/2023, bị đơn là Công ty Cổ phần Q1 do ông Nguyễn Bá P là người đại diện theo ủy quyền nộp đơn kháng cáo (đơn ghi ngày 13/7/2023 được gửi qua đường bưu điện ghi ngày gửi 13/7/2023), kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và nhận được bản án ngày 12/7/2023). Do đó, đơn kháng cáo của bị đơn là Công ty Cổ phần Q1 được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 06/7/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định kháng nghị số 411/QĐKNPT-VKS-LĐ kháng nghị bản án sơ thẩm số 2104/2023/LĐ-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng. Kháng nghị nêu trên là đúng thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 278, 279, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét về thủ tục tố tụng xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm đã xét xử theo thủ tục rút gọn: Cấp phúc thẩm nhận thấy bản án sơ thẩm số 2104/2023/LĐ-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục rút gọn nhưng có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đối với vi phạm về việc cấp sơ thẩm có thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án, đồng thời các đương sự cũng không thống nhất các tình tiết của vụ án. Do đó, căn cứ Điều 317; Điều 323 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, cấp phúc thẩm quyết định chuyển vụ án sang giải quyết phúc thẩm theo thủ tục thông thường.

Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định chỉ còn yêu cầu bị đơn là Công ty Cổ phần Q1 phải trả cho bà S tiền lương còn nợ từ tháng 10/2022 đến tháng 02/2023 đúng như đơn khởi kiện đầu tiên gửi Tòa án với số tiền là 17.817.234 đồng; Xác định hợp đồng lao động giữa bà S với Công ty C2 từ ngày 21/4/2023 theo thông báo chấm dứt hợp đồng lao động số 5503/2023/TB-OEIC ngày 21/3/2023 của Công ty Cổ phần Q1; Công ty phải đóng đầy đủ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà S đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động là ngày 21/4/2023 và chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội cùng tờ rời xác nhận đóng bảo hiểm xã hội cho bà S. Thi hành việc trả tiền và trả sổ bảo hiểm xã hội một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật. Các yêu cầu khác được xem xét tại án sơ thẩm phía nguyên đơn không yêu cầu nữa để sớm kết thúc vụ án và thông cảm cho khó khăn hiện tại của Công ty. Xét việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm

không được phía bị đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ các biên bản hòa giải tranh chấp lao động cá nhân tại phòng Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố T; Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; thừa nhận của người đại diện theo ủy quyền của Công ty về việc nợ lương của Công ty đối với bà S từ tháng 10/2022 đến tháng 02/2023 số tiền là 17.817.234 đồng tại phần hòa giải tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn để sửa án sơ thẩm về nội dung này.

Xét kháng cáo của bị đơn:

Bị đơn trong vụ án là Công ty Cổ phần Q1 do ông Nguyễn Bá P là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng giải quyết vụ án căn cứ Giấy ủy quyền số 0205 ngày 17/5/2023 của Công ty. Xét thấy sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn đã nhận được bản án sơ thẩm và ông Nguyễn Bá P làm, ký tên và gửi đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Căn cứ Giấy ủy quyền ngày 17/5/2023; Căn cứ Điều 271; khoản 4, 6 Điều 272; Điều 274 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Nguyễn bá P1 không được bị đơn ủy quyền được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm đã yêu cầu bị đơn bổ sung trình bày về việc xác nhận kháng cáo của bị đơn nhưng phía bị đơn không thực hiện được. Do đó kháng cáo của bị đơn là không hợp lệ và Hội đồng xét xử căn cứ Điều 272; điểm d khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của các bên đương sự xác định Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án lao động sơ thẩm này ra xét xử theo thủ tục rút gọn căn cứ Điều 316, 317 Bộ luật tố tụng dân sự với nhận định vụ án có tình tiết tranh chấp tiền lương đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng (hợp đồng lao động) và thực hiện đầy đủ thủ tục hòa giải tranh chấp lao động, bị đơn có địa chỉ trụ sở hoạt động sản xuất, kinh doanh cụ thể, người đại diện hợp pháp của bị đơn có Bản tự khai ngày 17/5/2023 thừa nhận quan hệ pháp luật tranh chấp, thừa nhận nợ lương và cam kết có nghĩa vụ trả lương cho người lao động là chứng cứ đầy đủ. Tuy nhiên, chứng cứ và lời khai của các bên đương sự chưa đầy đủ và việc giải quyết vụ án vẫn phải tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ quá trình tham gia, đóng bảo hiểm xã hội của Công ty đối với bà S để giải quyết yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, cấp sơ thẩm không thực hiện việc gửi hồ sơ sang Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp để nghiên cứu và tham gia phiên tòa sơ thẩm là vi phạm khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 318 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm nhận thấy toàn bộ nội dung kháng nghị là có căn cứ và ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện của nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, phía bị đơn không đồng ý nhưng xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn và để tránh cho vụ án kéo dài, yêu cầu đòi tiền lương của nguyên đơn là có cơ sở đã từng được phía bị đơn thừa nhận nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm như đề nghị của kháng nghị cũng như ý kiến của đại diện bị đơn tại phiên tòa. Về



nghĩa vụ của bà S đối với Công ty nếu có căn cứ và có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác tại Tòa án.

Từ những nhận định nêu trên và xem xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do thay đổi thủ tục xét xử bằng thủ tục thông thường và sửa án sơ thẩm nên phía bị đơn Công ty phải chịu án phí lao động sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà S theo quy định pháp luật. Bà S không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty phải chịu án phí lao động phúc thẩm, được trừ vào số tiền Công ty đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 4, 6 Điều 272; Điều 274; điểm d khoản 1 Điều 289; Điều 293; khoản 2 Điều 308; khoản 3 Điều 317 và khoản 4 Điều 323 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Q1;

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 411/QĐKNPT-VKS- LĐ ngày 06/7/2023. Sửa bản án sơ thẩm số 2104/2023/LĐ-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị S với Công ty Cổ phần Q1 chấm dứt từ ngày 21/4/2023.

Buộc Công ty Cổ phần Q1 phải trả cho bà Trần Thị S số tiền là 17.817.234 đồng (Mười bảy triệu, tám trăm mười bảy nghìn, hai trăm ba mươi bốn đồng).

Buộc Công ty Cổ phần Q1 có trách nhiệm đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho bà Trần Thị S, theo tỷ lệ pháp luật về bảo hiểm quy định với mức lương là 6.500.000 đồng/tháng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng/tháng) đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động với bà Trần Thị S là hết ngày 21/4/2023; C và trả số bảo hiểm xã hội cùng tờ rời xác nhận đóng bảo hiểm xã hội cho bà S đến hết ngày 21/4/2023 theo luật định.

Thi hành việc trả tiền, chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội cùng tờ rời xác nhận đóng bảo hiểm xã hội một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị S không phải chịu tiền án phí lao động sơ thẩm.

- Công ty Cổ phần Q1 phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 535.000 đồng (Năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần Q1 phải chịu án phí lao động phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền Công ty Cổ phần Q1 đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số AA/2023/0004452 ngày 08/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao (Tại Tp.HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao (Tại Tp.HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Thi hành án dân sự Tp Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Tp Thủ Đức;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tiến Dũng**